

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 36/2004/TT-BTC ngày 26/4/2004 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí hợp pháp hoá, chứng nhận lãnh sự**

*Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 3/6/2002 và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 5/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hoá lãnh sự.*

*Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế;*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 36/2004/TT-BTC ngày 26/4/2004 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí hợp pháp hoá, chứng nhận lãnh sự như sau:*

**Điều 1.**

1. Sửa đổi, bổ sung điểm 2 mục II Thông tư số 36/2004/TT-BTC như sau:

“Cơ quan thu lệ phí hợp pháp hoá, chứng nhận lãnh sự có trách nhiệm thực hiện chế độ tài chính, kế toán về lệ phí hợp pháp hoá, chứng nhận lãnh sự theo hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/2/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và Nghị định số 106/2010/NĐ-CP ngày 28/10/2010 của Chính phủ; Thông tư số 153/2012/TT-BTC ngày 17/9/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm 3, điểm 4 và điểm 5 mục II Thông tư số 36/2004/TT-BTC như sau:

“3. Đối với hồ sơ đề nghị hợp pháp hoá, chứng nhận lãnh sự nộp tại Bộ Ngoại giao: Cơ quan thu lệ phí hợp pháp hoá, chứng nhận lãnh sự (Bộ Ngoại giao) được trích để lại 30% (ba mươi phần trăm) tiền thu lệ phí trước khi nộp vào ngân sách nhà nước để trang trải chi phí cho việc thực hiện công việc thu lệ phí tại Bộ Ngoại giao.

Đối với hồ sơ đề nghị hợp pháp hoá, chứng nhận lãnh sự nộp tại ngoại vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Cơ quan thu lệ phí (Bộ Ngoại giao) được để lại 20% (hai mươi phần trăm) tiền thu lệ phí, chuyển cho cơ quan ngoại vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương 10% (mười phần trăm) tiền thu lệ phí trước khi nộp vào ngân sách nhà nước để trang trải chi phí cho việc thực hiện công việc thu lệ phí tại Bộ Ngoại giao và ngoại vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Nội dung chi cụ thể như sau:

a) Chi thanh toán cho cá nhân trực tiếp thực hiện công việc, dịch vụ và thu lệ phí: tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo quy định được tính trên tiền lương (bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và công đoàn phí), trừ chi phí tiền lương cho cán bộ, công chức đã hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo chế độ quy định;

b) Chi phí phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu lệ phí như: văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, thông tin liên lạc, điện, nước, công tác phí (chi phí đi lại, tiền thuê chỗ ở, tiền lưu trú) theo tiêu chuẩn, định mức hiện hành;

c) Chi sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ trực tiếp cho việc thu lệ phí.

d) Chi mua sắm thiết bị, công cụ làm việc và các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến việc thu lệ phí.

đ) Chi khen thưởng, phúc lợi cho cán bộ, nhân viên trực tiếp thực hiện công việc, dịch vụ và thu lệ phí trong đơn vị theo nguyên tắc bình quân một năm, một người tối đa không quá 3 (ba) tháng lương thực hiện nếu số thu năm nay cao hơn năm trước và tối đa bằng 2 (hai) tháng lương thực hiện nếu số thu năm nay thấp hơn hoặc bằng năm trước, sau khi đảm bảo các chi phí quy định tại tiết a, b, c và d điểm này.

Hàng năm, cơ quan thu lệ phí hợp pháp hoá, chứng nhận lãnh sự phải lập dự toán thu, chi gửi: cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp trên, cơ quan tài chính, cơ quan thuế cùng cấp, Kho bạc nhà nước nơi tổ chức thu mở tài khoản tạm giữ tiền lệ phí để kiểm soát chi theo quy định hiện hành; hàng năm phải quyết toán thu chi theo thực tế. Sau khi quyết toán đúng chế độ, số tiền lệ phí chưa chi trong năm được phép chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.

4. Số tiền thu lệ phí hợp pháp hoá, chứng nhận lãnh sự còn lại (70%), cơ quan thu lệ phí phải trực tiếp nộp vào ngân sách nhà nước theo chương, loại, mục, tiêu mục tương ứng của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành”.

## **Điều 2.**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/3/2013.

2. Các nội dung khác liên quan đến lệ phí hợp pháp hoá, chứng nhận lãnh sự không được đề cập trong Thông tư này vẫn được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 36/2004/TT-BTC ngày 26/4/2004 và Thông tư số 98/2011/TT-BTC ngày 5/7/2011 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 36/2004/TT-BTC ngày 26/4/2004 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí hợp pháp hoá, chứng nhận lãnh sự.

3. Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng nộp lệ phí và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét, hướng dẫn. / *lmc*

### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Công báo;
- Ủy ban nhân dân, Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Lưu VT, CST (CST 5).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Vũ Thị Mai**